

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 30/8/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Thị Quỳnh An	Nữ	10/10/1997	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	2800/QĐ465/2024	TH009603	
2	Trương Thị Ngọc Anh	Nữ	20/5/2000	Thanh Hóa	Kinh	7.7	9.0	2801/QĐ465/2024	TH009604	
3	Trần Thị Minh Anh	Nữ	13/12/1996	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	2802/QĐ465/2024	TH009605	
4	Phan Đình Danh	Nam	04/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	9.0	2803/QĐ465/2024	TH009606	
5	Ngô Thị Đức	Nữ	15/11/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2804/QĐ465/2024	TH009607	
6	Hồ Thị Dung	Nữ	29/5/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	2805/QĐ465/2024	TH009608	
7	Phan Thị Hiền	Nữ	20/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	2806/QĐ465/2024	TH009609	
8	Đậu Thị Hiền	Nữ	28/4/1981	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2807/QĐ465/2024	TH009610	
9	Lê Thị Hiền	Nữ	21/11/1993	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2808/QĐ465/2024	TH009611	
10	Đinh Thị Thanh Hoa	Nữ	24/10/1982	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	2809/QĐ465/2024	TH009612	
11	Nguyễn Huy Hòa	Nam	18/01/1981	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	2810/QĐ465/2024	TH009613	
12	Trương Thị Huế	Nữ	13/11/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2811/QĐ465/2024	TH009614	
13	Nguyễn Thị Thương	Nữ	19/5/1988	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2812/QĐ465/2024	TH009615	
14	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	27/9/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	2813/QĐ465/2024	TH009616	
15	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	05/8/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2814/QĐ465/2024	TH009617	
16	Trần Tiểu Liễu	Nữ	23/01/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2815/QĐ465/2024	TH009618	
17	Lương Thị Loan	Nữ	01/8/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	2816/QĐ465/2024	TH009619	
18	Trần Thị Lý	Nữ	04/6/1992	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	2817/QĐ465/2024	TH009620	
19	Nguyễn Tuấn Mạnh	Nam	05/10/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2818/QĐ465/2024	TH009621	
20	Nguyễn Thị Nga	Nữ	27/02/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	9.0	2819/QĐ465/2024	TH009622	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
21	Nguyễn Thị Nga	Nữ	11/01/1986	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2820/QĐ465/2024	TH009623	
22	Trần Thị Oanh	Nữ	10/9/1990	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	2821/QĐ465/2024	TH009624	
23	Lê Văn Phúc	Nam	17/01/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2822/QĐ465/2024	TH009625	
24	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Nữ	25/9/1973	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2823/QĐ465/2024	TH009626	
25	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	18/7/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	2824/QĐ465/2024	TH009627	
26	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	08/7/1980	Thanh Hóa	Kinh	6.3	7.5	2825/QĐ465/2024	TH009628	
27	Nguyễn Thanh Quảng	Nam	02/01/1983	Nghệ An	Kinh	8.0	9.0	2826/QĐ465/2024	TH009629	
28	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	28/9/2001	Nghệ An	Thổ	5.7	7.5	2827/QĐ465/2024	TH009630	
29	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	16/3/1983	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	2828/QĐ465/2024	TH009631	
30	Trần Duy Thao	Nam	23/5/1991	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	2829/QĐ465/2024	TH009632	
31	Thái Hữu Thi	Nam	19/3/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	2830/QĐ465/2024	TH009633	
32	Trần Thị Thơ	Nữ	21/12/1990	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2831/QĐ465/2024	TH009634	
33	Phạm Thị Thoa	Nữ	15/01/1988	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2832/QĐ465/2024	TH009635	
34	Xeo Bá Thoa	Nam	15/11/1998	Nghệ An	Khơ Mú	6.0	6.5	2833/QĐ465/2024	TH009636	
35	Nguyễn Thị Trà	Nữ	03/02/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2834/QĐ465/2024	TH009637	
36	Ngô Thị Huyền Trang	Nữ	02/01/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2835/QĐ465/2024	TH009638	
37	Ngô Thị Thùy Trang	Nữ	20/7/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	8.0	2836/QĐ465/2024	TH009639	
38	Nguyễn Đình Việt	Nam	07/4/1979	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	2837/QĐ465/2024	TH009640	
39	Đinh Thị Xuyên	Nữ	01/02/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2838/QĐ465/2024	TH009641	
40	Trần Thị Yến	Nữ	03/02/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	2839/QĐ465/2024	TH009642	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

